TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐĂK LĂK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2020/HN&GĐ - ST

Ngày: 25/6/2020

V/v: "Chia tài sản chung sau khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Lệ Chi: Phó chủ tịch Hội bảo trợ trẻ em và người tàn tật huyện

2. Ông Nguyễn Thường: Phó Chủ tịch UBMTTQVN huyện

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Tấn Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2020/TLST–HNGĐ ngày 13/12/2020 về việc "*Chia tài sản chung sau khi ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 10/2020 ngày 08/ 6/2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy K, Sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn A, HT, KB, Đăk Lăk

Bị đơn: Anh Trần Văn V, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn A, HT, KB, Đăk Lăk

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, chị Nguyễn Thị Thúy K trình bày:

Chị và anh Trần Văn V ly hôn với nhau vào ngày 29/11/2019 theo bản án số 13/2019/HN&GĐ – ST của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, Đăk Lăk. Khi đó, chị K chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề hôn nhân và vấn đề con chung, còn về vấn đề tài sản chung chị không yêu cầu giải quyết vì chị có nguyện vọng được tự thỏa thuận với anh Trần Văn V.

Tuy nhiên, chị và anh V đã không thoả thuận được việc phân chia tài sản chung. Do vậy, nay chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, Đăk Lăk phân chia tài sản chung của vợ chồng chị trong thời kỳ hôn nhân, gồm: thửa đất số 104; tờ bản đồ số 40; diện tích 188m^2; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 891 071 do UBND huyện Krông Bông, Đăk Lăk cấp ngày 18/7/2013, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 76,8m^2, các công trình xây dựng trên đất khác; 01 tủ thờ; 02 tủ quần áo và 01 tủ lạnh.

Về phía bị đơn – anh Trần Văn V : Mặc dù, Tòa án nhân dân huyện Krông Bông đã triệu tập anh Trần Văn V lên làm việc rất nhiều lần. Tuy nhiên, anh Trần Văn V đã không hợp tác, anh V lên Toà án làm việc hai lần nhưng không chịu làm bản tự khai, không ký nhận bất kỳ văn bản tố tụng nào do Toà án tống đạt, cũng như đến tham gia phiên hoà giải nhưng cũng tự ý đứng ra về khi chưa làm việc xong, không ký vào biên bản hoà giải .

Anh V cho rằng đối với việc chia tài sản chung sau khi ly hôn giữa anh với chị Nguyễn Thị Thúy K là việc trong gia đình, không cần phải đưa ra để giải quyết theo pháp luật mà để anh V và chị K tự giải quyết trong nội bộ gia đình với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vào lúc 8h00 ngày 12/3/2020, Hội đồng đo đạc, thẩm định, định giá tài sản tiến hành đo đạc, thẩm định, định giá tài sản có tranh chấp. Tuy nhiên, bị đơn anh Trần Văn V vắng mặt . Do vậy, buổi đo đạc, thẩm định, định giá tài sản ngày 12/3/2020 không tiến hành được, phải hoãn.

Vào hồi 8 giờ 00 ngày 31 tháng 3 năm 2020, khi hội đồng thẩm định đến nơi có tài sản tranh chấp để tiến hành đo đạc, thẩm định, định giá tài sản nhưng bị đơn - anh Trần Văn V vẫn vắng mặt và cửa nhà khóa kín nên Hội đồng đo đạc, thẩm định và định giá tài sản không vào bên trong thửa đất , bên trong căn nhà để quan sát, xem xét đo đạc, thẩm định, định giá tài sản được. Vì vậy, Hội đồng đo đạc, thẩm định, định giá chỉ quan sát, đo đạc những tài sản, vật kiến trúc trên đất bên ngoài thửa đất và căn nhà, đồng thời dựa vào lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thuý K cũng như của những người xung quanh mô tả về kết cấu căn nhà và các vật dụng bên trong căn nhà để định giá.

Kết quả thẩm định như sau:

Về đất: Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 40, diện tích 188m^2, trong đó đất ở: 150m^2, đất trồng cây hàng năm khác: 38m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 891 071 do UBND huyện Krông Bông, Đăk Lăk cấp ngày 18/7/2013 cho hộ ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị Thuý K

Địa chỉ: Thôn A, HT, KB, Đăk Lăk

Vị trí thửa đất:

Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Hoàng D:4m

Phía Tây giáp đất ông Huỳnh A: 47m

Phía Nam giáp đường giao thông nông thôn: 4m

Phía Bắc giáp đất ông Đặng Minh S: 4m

Tổng diện tích : 188m^2

Theo quyết định số 43/2014/QĐ- UBND ngày 22/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Từ ngã ba cầu chữ V về hướng Tây đến hết vườn ông Hoàng Ngọc

T là 200.000/m^2 đối với đất ở. Đối với đất trồng cây hàng năm khác, vị trí 2 là 12.000 đồng/m^2.

Giá trị: Đất ở 150 m^2 x 200.000 đồng/m^2 = 30.000.000 đồng

Giá trị đất màu: 38m^2 x 12.000 đồng/m^2 = 456.000 đồng

Tổng giá trị đất theo giá nhà nước là 30.456.000 đồng.

Theo giá thị trường là 35.000.000 đồng/1m ngang mặt đường. Giá trị thực tế là 35.000.000 đồng x 4m = 140.000.000 đồng.

Trên thửa đất có những công trình xây dựng sau:

- Một ngôi nhà xây: Quan sát bên ngoài xác định được: Căn nhà xây cấp 4, có kết cấu móng xây đá hộc, tường xây gạch ống, mái lợp tôn;
- Phía trước nhà có một mái che: khung sắt, mái lợp tôn, xà gồ gỗ, nền láng xi măng, một bên có thưng bằng tôn.
- Phía sau nhà ở có một nhà kho liền với nhà ở: có kết cấu là móng xây đá hộc, tường xây gạch ống, không trát vữa xi măng, mái lợp tôn.
- Tiếp phía sau còn có một nhà kho tách rời nhà ở có kết cấu là móng xây đá hộc, tường xây gạch ống, không trát vữa xi măng, mái lợp tôn, xung quanh có hàng rào lưới B40 cọc sắt V5.

Theo chị K trình bày nhà chị còn có 01 cái giếng nước khoan gần nhà tắm (do anh V đã khoá cửa nên không vào trong quan sát cái giếng này được), sâu 40m, khoan năm 2013, ống nhựa và 01 máy bơm nước.

Căn cứ vào QĐ số 07/2017/QĐ- UBND ngày 27/02/2017 và quyết định số 13/2017/QĐ- UBND ngày 27/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lăk để định giá các tài sản trên đất,như sau:

- Về nhà ở: Ngôi nhà được xây dựng vào năm 2014 khấu hao còn lại đến năm 2020 là 60%.

Diện tích xây dựng là 4m x 19,2m = 76,8 m^2

Đơn giá là 3.060.000 đồng/m^2. Hệ số điều chỉnh là K = 0,871

Phần cộng vào là: 240.000 đồng/m^2 (gạch lát 500 + 500); 113.000 đồng/m^2 (tường bả sơn); 34.000 đồng/m^2 (đóng tôn màu sóng vuông). Tổng cộng là 3.447.000 đồng/m^2

Giá trị: 76,8m^2 x 3.447.000 đồng/m^2 x 0,871 x 60% = 138.347.689 đồng

- Mái che trước nhà: Xây dựng năm 2014, giá trị còn lại là 60%. Có diện tích 4m x 2,8m = 11,2m^2.

Đơn giá là 369.900 đồng/m^2 + 171.300 đồng/m^2 = 541.200 đồng/m^2.

Tổng giá trị: là 11,2m^2 x 541.200 đồng/m^2 x 60 % = 3.636.864 đồng.

- Nhà kho (liền nhà ở) xây dựng năm 2016 giá trị còn lại 74%

Diện tích 4m x 2,3m = 9,2 m^2

Đơn giá là 3.060.000 đồng/m^2, do không đóng trần nên trừ 453.000đ /m^2

Giá trị là 9,2 m^2 x (3.060.000đ – 453.000đ) x 74% x 0,871 = 15.458.905 đồng

- Nhà kho riêng xây dựng năm 2016 có diện tích là 4m x 2,4m = 9,6m^2, giá trị còn lại là 74%. Giá trị là 9,6m^2 x (3.060.000đ – 453.000đ) x 0,871x 74% = 16.131.031 đồng.

- Lưới B40 có cọc sắt V có chiều dài là 31,4m cao 1,5 m đơn giá là 480.000 đồng/m, xây dựng năm 2016, giá trị còn lại là 74%

Có tổng giá trị là 31,4m x 480.000đ/m x 74% = 0,871 = 9.714.507đồng

- 01 giếng khoan nước, sâu 40m, khoan năm 2013, ống nhựa, 01 máy bơm nước, trị giá tổng cộng là 12.000.000đ

Tổng giá trị nhà và các tài sản trên đất là: 138.347.689 đ + 3.636.864 đ + 15.458.905 đ + 16.131.031 đ + 9.714.507 đ +12.000.000đ = 195.288.996 đồng . Lấy tròn số là 195.288.996đ, lấy tròn số là 195.289.000đ(*một trăm chín lăm triệu hai trăm tám chín ngàn đồng*) .

- Một tủ thờ bằng gỗ sao đen, đóng năm 2014, chiều ngang 2,2m; chiều cao 2m; chiều rộng 0,5m, trơn, không khắc: trị giá 8.000.000 đồng,

- 01 tủ quần áo bằng nhôm, cửa kính mở, dài 2m; rộng 0,5m; cao 2,2m tủ hai cánh trị giá 2.000.000 đồng,

- 01 tủ quần áo bằng nhôm, cửa kính mở, dài 1,5m; rộng 0,5m; cao 2,2m tủ một cánh ,trị giá 1.000.000 đồng

- 01 tủ lạnh 125 lít hiệu Shaft mua năm 2017, trị giá 4.000.000 đ.

Tổng kết:

1. Giá trị đất, nhà và các tài sản được xây dựng trên đất theo giá nhà nước: 195.289.000đ + 30.456.000 đ = 225.745.000đ

2. Giá trị đất, nhà và các tài sản được xây dựng trên đất theo giá thị trường: 195.289.000 đ + 140.000.000 đ = 335.289.000đ

3. Giá trị các vật dụng trong gia đình : 8.000.000 đồng + 2.000.000 đồng + 1.000.000 đồng + 4.000.000 đồng = 15.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản có tranh chấp (gồm: đất, nhà, các tài sản được xây dựng trên đất và các vật dụng khác) theo giá thị trường tại thời điểm định giá là : 335.289.000đ + 15.000.000đ = 350.289.000đ (*ba trăm năm mươi triệu hai trăm tám chín ngàn đồng*).

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy K vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp tài sản sau khi ly hôn.

Chị đề nghị giao toàn bộ nhà, đất, các công trình được xây dựng trên đất và các tài sản khác có trong nhà cho anh Trần Văn V được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng. Chị đề nghị anh V có trách nhiệm trả cho chị số tiền chênh lệch về tài sản mà chị được hưởng là 350.289.000đ /2 = 175.144.500 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu một trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm đồng*).

Vì từ ngày 12/9/2019 đến nay, khi vợ chồng mâu thuẫn với nhau, chị và con trai đã về nhà mẹ đẻ của chị ở thôn B, xã KNĐ, KB, Đăk Lăk để sinh sống thì anh V đã thay ổ khoá nhà không cho chị và con trai vào trong nhà. Cũng đã có lần tại Toà án, anh V đề nghị được nhận đất, nhà, các công trình xây dựng trên đất và các

tài sản khác có trong nhà, rồi trả phần tiền chênh lệch về tài sản mà chị được hưởng cho chị nhưng chị không đồng ý nên anh V tự ý bỏ ra về mà không ký vào biên bản hoà giải của Toà án lập. Khi đấy, chị nghĩ đơn giản vì chị thực sự cũng cần có nhà để thuận tiện cho chị đi làm và con chị đi học vì căn nhà đấy gần nơi cơ quan chị đi làm và trường con chị học. Tuy nhiên, nay chị suy nghĩ lại thấy rằng anh V làm nghề sửa xe, cần có mặt bằng để duy trì quán sửa xe mà trước đây khi còn chung sống với nhau đã có sẵn. Việc giao nhà cho anh V sẽ thuận tiện hơn. Còn mẹ con chị sẽ tìm một nơi ở mới.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về trình tự, thủ tục của vụ án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật.

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn cố tình vắng mặt, không thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng, nên đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung yêu cầu của nguyên đơn: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn.

Đề nghị Hội đồng xét xử chia đôi phần giá trị tài sản chung cho chị K và anh V vì đây là tài sản chung của hai vợ chồng, các tài sản trên gồm : Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 40, diện tích 188m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 891 071 do UBND huyện Krông Bông, Đăk Lăk cấp ngày 18/7/2013. Trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 76,8m^2, địa chỉ thửa đất : Thôn A, HT, KB, Đăk Lăk; các công trình xây dựng khác như mái hiên, nhà kho, giếng nước, hàng rào; 01 tủ thờ; 02 tủ quần áo; 01 tủ lạnh.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Nguyễn Thị Thuý K và anh Trần Văn V phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của các đương sự trước phiên tòa.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Mặc dù, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh Trần Văn V không đến tham dự phiên tòa. Việc anh Trần Văn V không đến tham dự phiên tòa là tự từ bỏ quyền được tham gia tố tụng tại Tòa án của chính mình và đây cũng là lần thứ hai, phiên tòa được mở nhưng anh Trần Văn V vắng mặt mà không có lý do.

Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Thúy K yêu cầu Tòa án giải quyết việc Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn với anh Trần Văn V là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn 01, xã Hòa Tân, huyện Krông Bông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về nội dung vụ án:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự cũng như qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Nguyễn Thị Thúy K và anh Trần Văn V kết hôn với nhau vào năm 2007. nhưng chị Nguyễn Thị Thuý K và anh Trần Văn V đã ly hôn với nhau theo bản án

số 13/2019/HN&GĐ – ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đăk Lăk. Khi đó, chị K không yêu cầu Toà án giải quyết về vấn đề phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân vì chị có nguyện vọng được tự thỏa thuận với anh Trần Văn V về việc phân chia tài sản chung.

Không tự thoả thuận được việc phân chia tài sản chung, ngày 19/12/2019, chị Kiều nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, Đăk Lăk giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng chị trong thời kỳ hôn nhân, gồm: thửa đất số 104; tờ bản đồ số 40; diện tích 188m^2; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 891 071 do UBND huyện Krông Bông, Đăk Lăk cấp ngày 18/7/2013, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 76,8m^2; các công trình xây dựng trên đất khác; 01 tủ thờ; 02 tủ quần áo và 01 tủ lạnh là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Việc chị Nguyễn Thị Thuý K đề nghị giao toàn bộ diện tích đất, nhà, các tài sản được xây dựng trên đất và các tài sản khác gồm: 01 tủ thờ; 02 tủ quần áo và 01 tủ lạnh cho anh Trần Văn V sở hữu, quản lý và sử dụng vì từ ngày 12/9/2019 đến nay, khi vợ chồng mâu thuẫn với nhau, chị và con trai chị đã về nhà mẹ đẻ của chị ở thôn B, KNĐ, KB, Đăk Lăk để sinh sống thì anh V đã thay ổ khoá nhà, quản lý nhà không cho chị K và con trai vào trong nhà. Nay, chị có muốn về ở trong căn nhà trên cũng gặp rất nhiều khó khăn. Hơn nữa, anh V cũng có nguyện vọng được sở hữu, quản lý và sử dụng toàn bộ khối tài sản chung này vì anh V làm nghề sửa chữa xe máy, căn nhà này cũng là nơi anh V mở quán để sửa chữa xe máy, anh V sẽ trả cho chị K ½ giá trị tài sản chung mà chị K được hưởng. Ý kiến này của anh V được thể hiện trong phiên hoà giải ngày 12/6/2020 nhưng sau khi trình bày quan điểm này của mình, anh V đã tự ý bỏ ra về mà không ký vào biên bản hoà giải do Toà án lập. Xét thấy, đề nghị này của chị K là có cơ sở nên cần chấp nhận.

Tại biên bản thẩm định tài sản ngày 31/3/2020 đã kết luận, tài sản chung của chị Nguyễn Thị Thuý K và anh Trần Văn V mà chị K yêu cầu chia, tính theo giá thị trường như sau:

1. Đất: Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 40, diện tích 188m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 891 071 do UBND huyện Krông Bông, Đăk Lăk cấp ngày 18/7/2013, có giá trị : 140.000.000đ

2. Nhà: Căn nhà xây cấp 4, có kết cấu móng xây đá hộc, tường xây gạch ống, mái lợp tôn; ở trước nhà có một mái che khung sắt, mái lợp tôn, xà gồ gỗ, nền láng xi măng, một bên có thưng bằng tôn, diện tích xây dựng: 76,8 m^2, trị giá: 138.347.689 đồng

3. Phía sau nhà ở có một nhà kho liền với nhà ở có kết cấu là móng xây đá hộc, tường xây gạch ống, không trát vữa xi măng, mái lợp tôn, diện tích: 9,2 m^2, trị giá: 15.458.905 đồng

4. Tiếp phía sau còn có một nhà kho tách rời nhà ở có kết cấu là móng xây đá hộc, tường xây gạch ống, không trát vữa xi măng, mái lợp tôn, diện tích: 9,6m^2, trị giá 16.131.031 đồng.

5. Xung quanh có hàng rào lưới B40 cọc sắt V5, có chiều dài là 31,4m cao 1,5 m, trị giá: 9.714.507đồng

6. Mái che trước nhà: Có diện tích 11,2m^2, trị giá: 3.636.864 đồng.

7. 01 giếng khoan nước , ống nhựa và 01 máy bơm nước, trị giá : 12.000.000đ

8. Một tủ thờ bằng gỗ sao đen, trị giá 8.000.000 đồng,

9. 01 tủ quần áo bằng nhôm, cửa kính mở, dài 2m; rộng 0,5m; cao 2,2m tủ hai cánh trị giá 2.000.000 đồng,

10. 01 tủ quần áo bằng nhôm, cửa kính mở, dài 1,5m; rộng 0,5m; cao 2,2m tủ một cánh ,trị giá 1.000.000 đồng

11. 01 tủ lạnh 125 lít hiệu Shaft , trị giá 4.000.000 đ.

Như vậy, tổng giá trị đất, nhà, các tài sản được xây dựng trên đất và các tài sản có trong nhà mà chị Nguyễn Thị Thuý K yêu cầu chia, tính theo giá thị trường tại thời điểm định giá là : 335.289.000đ + 15.000.000đ = 350.289.000đ (*ba trăm năm mươi triệu hai trăm tám chín ngàn đồng*).

Căn cứ vào Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình: Cần giao toàn bộ đất, nhà, các tài sản được xây dựng trên đất bao gồm: mái hiên, nhà kho, giếng nước, máy bơm nước, ống nhựa ; hàng ráo lưới B40 và các tài sản khác gồm: 01 tủ thờ; 02 tủ quần áo và 01 tủ lạnh cho anh Trần Văn V sở hữu, quản lý và sử dụng. Anh V chịu trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Thuý K ½ chênh lệch về tài sản mà chị K được hưởng là : 350.289.000đ /2 = 175.144.500 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu một trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm đồng*).

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy K và anh Trần Văn V phải chịu án phí trên giá trị tài sản mà mình được hưởng là: 175.144.500 đồng x 5% = 8.757.225 đồng (*tám triệu bảy trăm năm bảy ngàn hai trăm hai lăm đồng*) .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 203; Điều 220; Điều 266 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 219 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng các Điều 33; Điều 59 và Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy K về việc: Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn, gồm:

- Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 40, diện tích 188m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 891 071 do UBND huyện Krông Bông, Đăk Lăk cấp ngày 18/7/2013. Trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 76,8m^2.

- Các tài sản được xây dựng trên đất gồm : nhà ở, nhà kho, mái hiên, hàng rào, giếng nước có máy bơm và ống nước.

- Các tài sản có trong nhà gồm: một tủ thờ, hai tủ quần áo, một tủ lạnh.

Tổng giá trị khối tài sản trên là 350.289.000 đồng (*ba trăm năm mươi triệu hai trăm tám chín ngàn đồng y*) .

2. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thuý K về việc giao cho anh Trần Văn V được sở hữu, quản lý và sử dụng toàn bộ số tài sản chung trên , bao gồm:

- Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 40, diện tích 188m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 891 071 do UBND huyện Krông Bông, Đăk Lăk cấp ngày 18/7/2013.

Đất có tứ cận:

Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Hoàng D

Phía Tây giáp đất ông Huỳnh A

Phía Nam giáp đường giao thông nông thôn

Phía Bắc giáp đất ông Đặng Minh S

Trên thửa đất này có một ngôi nhà xây cấp 4 diện tích: 76,8m^2; một nhà kho (liền nhà ở) diện tích: 9,2m^2; một nhà kho diện tích 9,6m^2; mái hiên diện tích 11,2m^2; 01 giếng nước có máy bơm nước và ống nước; hàng rào B40.

- Một tủ thờ, hai tủ quần áo, một tủ lạnh hiệu Shaf .

Tổng giá trị tài sản là 350.289.000đ (*ba trăm năm mươi triệu hai trăm tám chín ngàn đồng*).

Anh Trần Văn V có trách nhiệm trả lại tiền chênh lệch về tài sản mà chị Nguyễn Thị Thuý K được hưởng là 175.144.500 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu một trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm đồng*).

3. **Về án phí**: Chị Nguyễn Thị Thúy K và anh Trần Văn V, mỗi người phải chịu trách nhiệm nộp 8.757.225 đồng (*tám triệu bảy trăm năm bảy ngàn hai trăm hai lăm đồng*) .

Chị Nguyễn Thị Thuý K đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 5996 ngày 13/12/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Bông, Đăk Lăk . Như vậy, chị Nguyễn Thị Thuý K còn phải nộp 8.457.225 đồng (*tám triệu hai*

trăm năm bảy ngàn hai trăm hai lăm đồng).

4. **Quyền kháng cáo**:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh*
- *VKSND huyện*
- *Chi cục THA DS*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trương Thị Huế